

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2022/HS-ST

Ngày: 10/5/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Păng Ting Nốc

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022 đối với:

- Các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Tuấn A**, sinh ngày: 29/12/1984, tại: Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT: Số 9/138 đường Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;住所: Số 05 đường Hoàng Diệu, Phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông: Nguyễn Thế T (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1963; Vợ: Lục Thị Thuỳ L, sinh năm 1990, bị cáo có 02 con sinh năm 2010 và 2012;

Tiền án; Tiền sự: không

Bị bắt ngày 18/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị Lan A** (tên gọi khác: N), sinh ngày: 03/10/1998, tại: Đắk Lắk; Nơi ĐKKHKT: số 302/4 đường Hoàng Diệu, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;住所: số 302/4 đường Hoàng Diệu, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề

nghề: làm thuê; Con ông: Nguyễn Đ (đã chết); Con bà: Võ Thị Mỹ A, sinh năm 1966; Gia đình có 03 chị em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2003; Bị cáo có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án; Tiền sự: Không

Bị bắt ngày 12/4/2020 đến ngày 18/8/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh. Hiện bị cáo tại ngoại tại: số 302/4 đường Hoàng Diệu, Phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lê Đăng D**, sinh ngày: 24/8/1996, tại: Đắk Lắk; Nơi ĐKHKTT: Khối 7, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Số 05 đường Hoàng Diệu, Phường 5, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Con ông: Lê Huỳnh Q, sinh năm: 1973; Con bà: Nguyễn Vương Khánh U, sinh năm 1978; Gia đình có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Trần Văn H**, sinh ngày: 05/6/2002, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: Thôn 5, xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 05 đường Hoàng Diệu, Phường 5, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Con ông: Trần Văn K, sinh năm: 1976; Con bà: Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh năm 1981; Gia đình có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2002, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 15/01/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Hoàng Lê Trọng Nh** (Tên gọi khác: G), sinh ngày: 09/6/1997, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: Số 76/2 đường Ngô Thị Nhậm, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 25 Lãnh địa Đức Bà, Phường 6, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Thợ sơn; Con ông: Hoàng Trọng B, sinh năm: 1960; Con bà: Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1968; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Trương Quang V**, tên gọi khác: Rin, sinh ngày: 30/10/1997, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: Số 6B đường Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 6B đường Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Thợ điện; Con ông: Trương Văn V, sinh năm: 1968; Con bà: Lương Thị Th, sinh năm 1973; Gia đình có 02 chị em, lớn nhất sinh năm 1996, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Lê Quốc H**, sinh ngày: 06/4/1995, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: Số 90A đường Hải Thượng, Phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 110 đường Cao Bá Quát, Phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông: Lê Ngọc S, sinh năm: 1964; Con bà: Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1967; Vợ: Phạm Thị Ngọc Tr, sinh năm: 1997.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Đinh Hoàng Phương U**, sinh ngày: 01/8/1998, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: Số 83 Lâm Viên, Phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 83 Lâm Viên, Phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Đinh Hùng A, sinh năm: 1968; Con bà: Mai Thị D, sinh năm 1971; Gia đình có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2004, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 28/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: **Nguyễn Huỳnh Đức T**, sinh ngày: 16/4/1994, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: Số 6/10 đường Bà Triệu, Phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 6/10 đường Bà Triệu, Phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Thợ sơn; Con ông: Nguyễn Tr, sinh năm: 1960; Con

bà: Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1960; Gia đình có 06 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất là bị cáo.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: **Phạm Huy Tr**, sinh ngày: 31/8/1997, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKKHKT: Số 17/1 đường Huyền Trân Công Chúa, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 17/1 đường Huyền Trân Công Chúa, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; Con ông: Phạm H, sinh năm: 1960; Con bà: Phan Thị M, sinh năm 1965; Gia đình có 02 chị em, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất là bị cáo;

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Tr**, sinh ngày: 12/12/1997, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKKHKT: Số 186 đường Lương Định Của, Phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 186 đường Lương Định Của, Phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1975; Con bà: Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1977; Gia đình có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2001.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: **Nguyễn Võ Anh D** (Tên gọi khác: B), sinh ngày: 13/5/1996, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKKHKT: Số 28 ấp Ánh Sáng, Phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 28 ấp Ánh Sáng, Phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Thợ điện; Con ông: Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1966; Con bà: Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1969; Gia đình có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất là bị cáo.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

13. Họ và tên: **Phạm Văn Th** (Tên gọi khác: L), sinh ngày: 02/3/1997, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKKHKT: Số 19 ấp Ánh Sáng, Phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 19 ấp Ánh Sáng, Phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Thợ mộc; Con ông: Phạm Văn Đ, sinh năm: 1966; Con bà: Trần Thị L, sinh năm 1972; Gia đình có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2010, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

14. Họ và tên: **Nguyễn Nhật A** (Tên gọi khác: Ngh), sinh ngày: 29/10/1997, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKKHKT: Số 26 ấp Ánh Sáng, Phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 26 ấp Ánh Sáng, Phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm bún; Con ông: Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1966; Con bà: Trần Thị Tr, sinh năm 1971; Gia đình có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất là bị cáo.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt tại phiên tòa.

15. Họ và tên: **Trần Việt H** (Tên gọi khác: T), sinh ngày: 26/4/2000, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKKHKT: Số 77 Phước Thành, Phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 77 Phước Thành, Phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Trần Quang T, sinh năm: 1973; Con bà: Phạm Thị H, sinh năm 1980; Gia đình có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2006, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

16. Họ và tên: **Triệu Nhân Q**, sinh ngày: 22/7/1994, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKKHKT: Số 04 đường Bùi Thị Xuân, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: Số 04 đường Bùi Thị Xuân, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: buôn bán; Con ông: Triệu Ngô H, sinh năm: 1966; Con bà: Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1971; Gia đình có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

17. Họ và tên: **Nguyễn Đình Ph** (Tên gọi khác: T), sinh ngày: 24/4/1996, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: thôn Nghĩa Hội, thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở: thôn Nghĩa Hội, thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Nguyễn Đình Th, sinh năm: 1962; Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Gia đình có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2001.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt tại phiên tòa.

18. Họ và tên: **Hồ Trung H** (Tên gọi khác: B), sinh ngày: 29/4/1997, tại: Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: thôn Thủy Triều, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà; Chỗ ở: thôn Thủy Triều, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Hồ Trung H, sinh năm: 1968; Con bà: Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1969; Gia đình có 02 chị em, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất là bị cáo.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt tại phiên tòa.

19. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc L**, sinh ngày: 18/11/1996, tại: Bình Định; Nơi ĐKHKTT: Số 88 đường Đinh Bộ Lĩnh, thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định; Chỗ ở: Số 88 đường Đinh Bộ Lĩnh, thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: buôn bán; Con ông: Nguyễn Ngọc Ph, sinh năm: 1968; Con bà: Phan Thị Minh Ch, sinh năm 1972; Gia đình có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2007, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 12/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt. Có mặt tại phiên tòa.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Huỳnh Đức T*: Luật sư Hoàng Thị Minh H – Văn phòng luật sư Ng P Đ Ng thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Hoàng Phương U*: Luật sư Nguyễn Phương Đại Ngh – Văn phòng luật sư Ng P Đ Ng thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phùng Hữu Duy Tr, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: số 32 đường Thiện Ý, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

+ Chị Trần Lê Phương Th, sinh năm: 1998 (*Đã chết*).

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Lê Phương Thảo: ông Trần Công Noa, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Tổ 10, khu phố 1, hẻm Ngô Quyền, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Lê Thị Ngọc M, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: số 76/2 đường Ngô Thị Nhậm, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: số 77 đường Phước Thành, Phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

+ Chị Phạm Thị Ngọc Tr, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: số 44 đường Nguyễn Hữu Cầu, Phường 12, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Lương Hoàng M, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: số 09 đường Tôn Thất Tùng, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Chị Phạm Thị Thùy Tr, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: số 17/1 đường Huyền Trân Công Chúa, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3/2020, Nguyễn Tuấn A thuê khách sạn Hoàng U địa chỉ 05 Hoàng Diệu, phường 5, Đà Lạt để kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch. Sau khi thuê khách sạn, Tuấn Anh có cho Nguyễn Thị Lan A, Trần Văn H, Lê Đăng D thuê lại các phòng 104, 304 để sinh hoạt và phụ giúp dọn dẹp, đón khách cho Tuấn A. Vào thời điểm này, do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, không có khách du lịch lưu trú nên Tuấn A đã nảy sinh ý định cho các đối tượng thuê phòng để sử dụng ma túy nhằm mục đích thu lợi bất chính. Thực hiện ý định đó, Tuấn A đã

lắp đặt thêm thiết bị âm thanh, ánh sáng như: loa, đèn xoay tại phòng số 306 để cho khách thuê phòng sử dụng ma túy.

Khoảng 23 giờ ngày 11/4/2020, khi Nguyễn Tuấn A đang có mặt tại khách sạn Hoàng U thì có một nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) dẫn một nhóm khách gồm: Trương Quang V, Lê Quốc H, Hoàng Lê Trọng Nh, Đinh Hoàng Phương U, Phạm Huy Tr, Nguyễn Huỳnh Đức T, Trần Việt H, Triệu Nhân Q, Nguyễn Ngọc Tr, Hồ Trung H, Nguyễn Võ Anh D, Phạm Văn Th, Nguyễn Đình Ph, Nguyễn Nhật A, Phùng Hữu Duy Tr và Trần Lê Phương Th đến gặp Nguyễn Tuấn A hỏi thuê phòng sử dụng ma túy. Sau khi thỏa thuận giá thuê phòng là 100.000^d/01 người, Nguyễn Tuấn A dẫn khách lên nhận phòng 306.

Đến khoảng 23 giờ 15 cùng ngày, sau khi liên lạc với Nguyễn Thị Lan A, nhóm của Nguyễn Ngọc L gồm: Nguyễn Ngọc L, Ngô Đức T, Trịnh Minh H, Nguyễn Khánh L, Phan Đình Trung H, Kiều Cao Đ, Nguyễn Đông H đến khách sạn Hoàng U thuê phòng sử dụng ma túy. Khi nhóm L đến thì Nguyễn Tuấn A nói Trần Văn H đưa khách lên phòng 305 và đem vào phòng này một chiếc đĩa sứ để sử dụng ketamine. Sau khi được Nguyễn Ngọc L báo phòng chưa có loa, đèn xoay, Lan A nói Tuấn A thuê người đến lắp thì được Tuấn A đồng ý. Tuấn A đã liên lạc một người tên H (chưa rõ nhân thân, lai lịch) rồi nói H đưa H lên phòng 305 lắp đặt loa, đèn để khách sử dụng ma túy.

Khoảng 00 giờ 30 ngày 12/4/2020, khi hai nhóm tại phòng 305 và 306 đang sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Công an TP. Đà Lạt kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang thu giữ tang vật.

Tang vật tại phòng 306:

- 01 gói nylon màu trắng trong có kích thước 04^{cm} x 06^{cm}, bên trong gói nylon này đựng chất tinh thể màu trắng, được phát hiện, thu giữ trên mặt bàn kê trong phòng và chất tinh thể màu trắng trong chiếc đĩa sứ, được phát hiện, thu giữ bằng cách thu gom số chất tinh thể này vào trong gói nylon đựng chất tinh thể màu trắng thu giữ trên bàn.

- 01 chiếc đĩa sứ màu trắng;
- 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền NHNN Việt Nam mệnh giá 10.000^d, bên ngoài được bọc bằng vỏ đầu lọc thuốc lá;
- 01 thẻ nhựa cứng màu đen;
- 01 bộ loa nhãn hiệu Microlab gồm 01 loa bass và 04 loa nhỏ;
- 01 đầu điều chỉnh âm lượng;
- 01 đèn xoay màu đen.

Thu giữ của Trương Quang V: 01 xe máy hiệu Honda Vairo màu xanh - đen mang biển KS: 49B1 – 731.7, 01 điện thoại hiệu Iphone X màu đen gắn simcard số: 0834.9049; Lê Quốc H: 01 xe máy nhãn hiệu Honda màu trắng - đen mang biển KS: 49B1 – 813.7 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký mô-tô, xe máy của chiếc xe trên, 01 CMND mang tên Lê Quốc H, 01 điện thoại hiệu Iphone X màu đen gắn simcard số: 0889.2030; Đinh Hoàng Phương U: 01 xe máy nhãn hiệu Ex Yamaha màu đen mang biển KS: 49B1 – 658.8, 01 điện thoại hiệu Iphone 11 màu xanh gắn simcard số: 0943.1791; Hoàng Lê Trọng Nh: 01 xe máy hiệu Honda Vairo màu vàng; biển KS: 49B1 – 733.4, 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy màu xanh gắn simcard số: 0798.8065; Phạm Huy Tr: 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius màu đen-bạc mang biển KS: 49P3 – 641; Nguyễn Huỳnh Đức T: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng mang biển KS: 49B1 – 626.8, 01 CMND mang tên Nguyễn Huỳnh Đức T, 01 điện thoại hiệu Iphone X màu đen gắn simcard số: 0909.9889; Nguyễn Ngọc Tr: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vario màu đen mang biển KS: 49B1 – 851.6, 01 điện thoại hiệu Iphone 6Plus màu bạc; mặt kính bị nứt vỡ; gắn simcard số: 0834.5958, 01 điện thoại hiệu Iphone 5s màu đen - bạc gắn simcard số: 0859.5678; Trần Việt H: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vairo màu vàng mang biển KS: 49B1 – 917.3, 01 điện thoại hiệu Huawei màu đen gắn simcard số: 0972.8821; Nguyễn Võ Anh D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng - bạc; Triệu Nhân Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen; mặt kính bị nứt vỡ; gắn simcard số: 0392.0993, 01 CMND mang tên Triệu Nhân Q; Phạm Văn Th: 01 điện thoại hiệu Nokia 6300 màu trắng đen gắn simcard số: 0355.9380; Nguyễn Nhật A: 01 điện thoại hiệu Iphone 11 màu tím gắn sim card số: 0908.4006; Hồ Trung H: 01 điện thoại hiệu Iphone 6s màu hồng gắn simcard số: 0366.9244; Nguyễn Đình Ph: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng đồng; Phùng Hữu Duy Tr: 01 điện thoại hiệu Iphone 7 Plus màu đen gắn simcard số: 0792.4953; Trần Lê Phương Th: 01 điện thoại hiệu Iphone 6 màu xám bạc; mặt kính bị nứt vỡ; gắn simcard số: 0941.3457.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xử lý vật chứng trả lại cho Trương Quang V 01 xe máy hiệu Honda Vairo màu xanh - đen mang biển KS: 49B1 – 731.7; trả lại cho Nguyễn Ngọc Tr 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vario màu đen mang biển KS: 49B1 – 851.6.

Tang vật tại phòng 305:

- 01 gói nylon màu trắng kích thước 3 x 6 cm, bên trong có chứa 01 viên nén màu xanh và 01 gói nylon đựng tinh thể màu trắng;
- 01 đĩa sứ màu trắng;

- 01 loa dạng loa xách tay mà xám, hiệu MONSTER;
- 01 đèn xoay màu đen, có chữ: “LASER SHOW SYSTEM”;
- 01 đèn xoay màu đen không rõ nhãn hiệu;

Thu giữ của Nguyễn Tuấn A: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Tuấn A, 01 điện thoại hiệu Samsung S5 màu trắng gắn sim số: 0976.8653, 01 điện thoại hiệu VSmart Star màu xanh gắn sim số: 0913.7820, 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 420131A, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT số 976/GCN; Nguyễn Ngọc L: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng đồng, gắn simcard số: 0376.7761; màn hình bị nứt vỡ; Trần Văn H: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, gắn simcard số 0392.3711; Nguyễn Thị Lan A: 500.000^d (*Năm trăm nghìn đồng*), 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen gắn simcard số: 0929.3194, 01 điện thoại hiệu Iphone 6 màu vàng đồng gắn simcard số: 0947.4598; Lê Đăng D: 100.000^d (*Một trăm nghìn đồng*), 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu trắng, gắn simcard số: 0786.9296.

Quá trình điều tra xác định được nội dung phạm tội cụ thể các bị cáo như sau:

Tại phòng 306:

Chiều ngày 09/4/2020, Hoàng Lê Trọng Nh, Lê Quốc H, Triệu Nhân Q, Trần Việt H và Phùng Hữu Duy Tr đến nhà của Nguyễn Ngọc Tr tại 186 Lương Định Của, phường 11, Đà Lạt để uống nước. Trong quá trình nói chuyện, Hoàng Lê Trọng Nh rủ rê cả nhóm thuê phòng mua ma túy sử dụng thì được cả nhóm đồng ý. Đến khoảng 15 giờ ngày 11/4/2020, Lê Quốc H bàn bạc với Trương Quang V rủ thêm bạn bè thân quen góp tiền để thuê địa điểm, mua ma túy sử dụng chung; H và V đã dự kiến số người tham gia; số tiền mỗi người sẽ đóng góp là 1.000.000^d

Sau khi bàn bạc, Trương Quang V, Lê Quốc H và Hoàng Lê Trọng Nh rủ Nguyễn Huỳnh Đức T, Đinh Hoàng Phương U, Trần Lê Phương Th, Hồ Trung H, Phạm Văn Th, Nguyễn Ngọc Tr, Phạm Huy Tr, Nguyễn Nhật A, Trần Việt H, Triệu Nhân Q, Nguyễn Võ Anh D, Nguyễn Đình Ph và Phùng Hữu Duy Tr vào tối ngày 11/4/2020 sẽ cùng nhau thuê phòng sử dụng ma túy. Để thuê địa điểm sử dụng ma túy, Lê Quốc H liên lạc với Đinh Hoàng Phương U và nói U tìm thuê các phòng, villa cho cả nhóm sử dụng ma túy. U đồng ý và thông qua mạng xã hội tìm chọn một vài địa điểm khác nhau rồi gửi hình ảnh kèm giá cả cho H nhưng H cho rằng những địa điểm trên không bảo đảm an toàn, giá thuê phòng cao nên lúc đó H không đồng ý chọn phòng mà U liên lạc.

Đến buổi tối 11/4/2020, Lê Quốc H, Trương Quang V, Đinh Hoàng Phương U, Hồ Trung H, Hoàng Lê Trọng Nh, Phạm Văn Th và Trần Lê Phương

Th rủ nhau đến nhà Nguyễn Huỳnh Đức T. Tại nhà T, H và U tiếp tục bàn bạc với nhau việc tìm thuê phòng sử dụng ma túy. Sau đó, U đã liên hệ với một đối tượng tên “Đ” (*không rõ nhân thân, lai lịch*) và được “Đ” chỉ đến thuê phòng tại quán karaoke Nh tại số 04 Hoàng Diệu, phường 5, thành phố Đà Lạt. Sau đó, để chuẩn bị, tìm kiếm địa điểm thuê phòng sử dụng ma túy, T chở U, V chở Th bằng xe máy đi trước và hẹn những người đi sau đến đầu đường Hoàng Diệu, phường 5, thành phố Đà Lạt đứng đợi. Khi T, V, U và Th đến quán karaoke Nh thì gặp 01 nam thanh niên (*không rõ nhân thân, lai lịch*) đứng đợi sẵn trước quán. Khi gặp nhau, người thanh niên này nói với U là quán karaoke Nh đã hết phòng và sau đó người này dẫn T, V, U và Th đến thuê phòng tại khách sạn Hoàng U.

Khi đến khách sạn Hoàng U sau khi thỏa thuận giá thuê phòng, nhóm của U được Nguyễn Tuấn A dẫn lên nhận phòng 306. Tiếp đó, các đối tượng liên lạc với nhau rồi lần lượt đến khách sạn Hoàng U, đi vào phòng 306. Trong phòng lúc này có tổng cộng 15 người gồm: Nguyễn Huỳnh Đức T; Đinh Hoàng Phương Un; Trương Quang V; Trần Lê Phương Th; Lê Quốc H; Hoàng Lê Trọng Nh; Hồ Trung; Phạm Văn Th; Nguyễn Ngọc Tr; Phạm Huy Tr; Nguyễn Nhật A; Trần Việt H; Triệu Nhân Q; Nguyễn Võ Anh D và Nguyễn Đình Ph.

Do đã bàn bạc, thống nhất với nhau trước đó, lúc này, Trương Quang V là người trực tiếp đứng ra thu tiền của những người có mặt trong phòng; tổng cộng V thu được 12.300.000^d. Trong đó: V góp 2.000.000^d (*bao gồm cả phần của Tân*); H; Q; Ph; Nh; Ngọc Tr; H; Th; Nhật A; Huy Tr mỗi người góp 1.000.000^d; D góp 500.000^d; H góp 800.000^d; riêng U và Th không phải góp tiền.

Sau khi thu tiền, Trương Quang V đưa cho Hoàng Lê Trọng Nh 10.500.000^d để Nh mua ma túy; số tiền còn lại là 1.800.000^d, V trả tiền thuê phòng cho Nguyễn Tuấn A thông qua Lê Đăng D (*Duy là người được Nguyễn Tuấn A gọi điện nhờ thu tiền thuê phòng 306*).

Hoàng Lê Trọng Nh sau khi nhận tiền từ Trương Quang V đã liên hệ để mua 15 viên thuốc lắc và 01 gói ketamine với giá tổng cộng là 10.500.000^d của một đối tượng tên thường gọi là Po (*không rõ nhân thân, lai lịch*); việc giao, nhận ma túy và tiền giữa Po và Nh diễn ra vào khoảng 00^h ngày 12/4/2020 tại đường Hoàng Diệu, phường 5, thành phố Đà Lạt, phía trước khách sạn Hoàng U.

Sau khi mua được số ma túy nêu trên, Nh mang vào phòng 306, bỏ ma túy ra chiếc bàn kê trong phòng. Trong phòng lúc này còn có thêm Phùng Hữu Duy Tr (*là người được Trương Quang V gọi điện rủ đến địa điểm trên để sử dụng ma túy, không phải góp tiền*) nên 14 đối tượng nam đã sử dụng mỗi người hết 01 viên thuốc lắc; riêng U và Th mỗi người sử dụng hết khoảng ½ viên bằng hình thức uống cùng nước ngọt.

Tiếp đó, Lê Quốc H lấy một ít ketamine từ trong gói nylon bỏ ra chiếc đĩa sứ rồi dùng thẻ nhựa cứng nghiền mịn, phân chia ketamine trong đĩa; còn Phạm Huy Tr thì dùng tờ tiền 10.000^d, vỏ đầu lọc thuốc lá quấn lại thành ống hút. Sau đó, 16 đối tượng lần lượt dùng chiếc ống hút này để hít ketamine trong đĩa sứ.

Đến khoảng 00^h30' ngày 12/4/2020, khi 16 đối tượng nêu trên đang sử dụng ketamine và nghe nhạc trong phòng thì bị Công an thành phố Đà Lạt kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật là dụng cụ sử dụng ma túy và số ketamine mà các đối tượng chưa sử dụng hết trong chiếc đĩa sứ; trong gói nylon để trên mặt bàn kê trong phòng.

Theo Kết luận giám định số 714/GĐ-PC09 ngày 15/4/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định: mẫu tinh thể đựng trong một gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 2,3659g, loại Ketamine. Ketamine là chất ma túy, nằm trong Danh mục III, STT: 35, Nghị định 73/2018/NĐ- CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại phòng 305:

Nguyễn Ngọc L là đối tượng sử dụng ma túy tổng hợp từ năm 2019, có quan hệ quen biết với Nguyễn Thị Lan A và biết Lan A đang thuê trọ, phụ giúp việc tại khách sạn Hoàng U.

Vào ngày 11/4/2020, L rủ nhóm bạn gồm: Ngô Đức T, Trịnh Minh H, Nguyễn Khánh L, Phan Đình Trung H, Kiều Cao Đ và Nguyễn Đông H đến phòng trọ của mình tại đường Mạc Đĩnh Chi, phường 4, thành phố Đà Lạt tổ chức ăn uống. Sau đó, L rủ những người này đến khách sạn Hoàng U để tiếp tục ăn uống, nghe nhạc và được mọi người đồng ý.

Do có ý định thuê phòng tại khách sạn Hoàng U để sử dụng ma túy, L đã điện thoại nhờ Nguyễn Thị Lan A đặt trước cho L một phòng tại khách sạn này, đồng thời, thỏa thuận với Nguyễn Thị Lan A về giá thuê phòng, số lượng người thuê phòng, giá mua ma túy. Quá trình thỏa thuận giá mua ma túy, mặc dù L có ý định chỉ một mình sử dụng ma túy nhưng L vẫn đề nghị Lan A giảm giá bán ma túy với lý do một số bạn đi cùng không đồng ý, do vậy Lan A nhận thức nhóm L gồm nhiều người cần thuê địa điểm để sử dụng ma túy.

Sau đó, Nguyễn Thị Lan A đã báo lại cho Nguyễn Tuấn A biết việc nhóm của L gồm nhiều người có nhu cầu thuê một phòng tại khách sạn để sử dụng ma túy thì Tuấn A đồng ý nên Lan A đã liên lạc cho Lợi đến khách sạn Hoàng U để nhận phòng.

Khoảng hơn 23^h ngày 11/4/2020, khi nhóm của L đến khách sạn Hoàng U thì Nguyễn Thị Lan A ra đón, dẫn vào khách sạn; Nguyễn Tuấn A nói Trần Văn

H dẫn nhóm của L lên phòng 305 và mang vào phòng này 01 chiếc đĩa sứ (để sử dụng ketamine).

Tại phòng 305, do chưa có loa, đèn xoay nên sau khi nghe Nguyễn Thị Lan A báo lại, Nguyễn Tuấn A nói với Nguyễn Thị Lan A nếu có loa, đèn thì thu tiền thuê phòng là 1.800.000^d. Sau đó, Nguyễn Tuấn A liên hệ với một người đàn ông tên “H” (*không rõ nhân thân, lai lịch*) để thuê loa, đèn. Khoảng 05 phút sau đó, có một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch đem loa, đèn đến khách sạn; Nguyễn Tuấn A nói Trần Văn H dẫn người này lên phòng 305 lắp đặt loa, đèn.

Cũng vào thời điểm trên, do đã thỏa thuận với nhau trước đó nên ngay sau khi nhận phòng 305, Nguyễn Ngọc L đưa cho Nguyễn Thị Lan A 1.800.000^d nhờ Nguyễn Thị Lan A mua ma túy với số lượng “01 chắm, 01 con” (tức 01 gói ketamine có khối lượng khoảng 01g và 01 viên thuốc lắc) để L sử dụng tại phòng này; còn tiền thuê phòng thì L sẽ thanh toán khi trả phòng. Nguyễn Thị Lan A đồng ý và sau khi nhận tiền của L đã đi vào phòng 304 nhờ Lê Đăng D mua ma túy theo số lượng, loại ma túy mà L yêu cầu. D không hỏi Lan A mục đích mua ma túy làm gì và đồng ý gọi điện thoại cho một người tên thường gọi là “Tiến Ke” hỏi giá ma túy rồi báo lại cho Lan A biết giá “01 chắm, 01 con” là 1.200.000^d, Nguyễn Thị Lan A đồng ý và đưa cho D 1.200.000^d để D mua ma túy.

Sau đó ít phút, D nhận được 01 cuộc điện thoại từ số thuê bao: 0926.041113 nói D đi ra đầu đường Hoàng Diệu nhận ma túy. Tại điểm hẹn, D gặp một nam thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch và mua của người này 01 gói ketamine và 01 viên thuốc lắc với giá tổng cộng là 1.200.000^d. Sau khi mua được ma túy, D đi vào lại trong khách sạn và giao gói ma túy cho Nguyễn Thị Lan A; Nguyễn Thị Lan A đem gói ma túy này lên phòng 305 giao lại cho L.

Sau khi giao ma túy cho L, Lan A đến phòng của của Lê Đăng D và nói cho D biết việc mình vừa cung cấp ma túy cho nhóm của L để tổ chức sử dụng, D đã hỏi xin tiền lời từ việc cung cấp ma túy của Nguyễn Thị Lan A. Do số tiền L đưa cho Nguyễn Thị Lan A để mua ma túy còn dư 600.000^d nên Nguyễn Thị Lan A đã cho D 100.000^d, số tiền còn lại là 500.000^d thì Nguyễn Thị Lan A cất giữ.

Tiếp đó, Nguyễn Thị Lan A đi xuống tầng trệt khách sạn nói Trần Văn H đem bật lửa, thẻ nhựa cứng (để sử dụng ketamine) lên phòng 305 cho khách nhưng Trần Văn H chưa kịp đem lên thì ngay lúc đó, Công an TP. Đà Lạt tiến hành kiểm tra khách sạn, không chề, bắt giữ các đối tượng.

Tại phòng 305, lúc này, Nguyễn Ngọc L bỏ gói ma túy mới nhận từ Nguyễn Thị Lan A ra tấm nệm giường để chuẩn bị sử dụng, khi thấy Công an

xuất hiện kiểm tra, L đã dùng tay, chân gạt gói ma túy từ trên tấm nệm xuống gầm giường, ngay sát vị trí L đang ngồi nhưng đã bị phát hiện, thu giữ ngay sau đó.

Theo Kết luận giám định số 713/GĐ-PC09 ngày 15/4/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định: mẫu một viên nén màu xanh đựng trong một gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,3942g, loại MDMA; mẫu mẫu tinh thể đựng trong một gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,2925g, loại Ketamine. MDMA là chất ma túy, nằm trong Danh mục I, STT: 27, Ketamine là chất ma túy, nằm trong Danh mục III, STT: 35, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Quá trình điều tra xác định vai trò các bị cáo trong vụ án như sau:

1. Nguyễn Tuấn A: là chủ khách sạn Hoàng U là người chủ mưu, cầm đầu trong việc cho thuê phòng để các đối tượng tổ chức sử dụng ma túy; Tuấn A cho Nguyễn Thị Lan A, Trần Văn H và Lê Đăng D thuê phòng và giúp việc cho Tuấn A trong việc cho thuê phòng để tổ chức sử dụng ma túy. Tuấn A đã tự mình lắp đặt hệ thống loa, đèn tại phòng 306 để cho nhóm Trương Quang V thuê sử dụng ma túy. Tại phòng 305, sau khi nhận khách, Tuấn A xác định nhóm khách gồm nhiều người đến thuê phòng để sử dụng ma túy nên giao Trần Văn H đem đĩa sứ và đưa khách lên nhận phòng, sau đó thuê người đến lắp loa, đèn và tiếp tục giao cho H đưa người lên phòng lắp loa, đèn cho khách sử dụng trái phép chất ma túy;

2. Nguyễn Thị Lan A: là người thuê lại phòng khách sạn Hoàng U để ở, Lan A biết Tuấn A cho thuê phòng để khách tổ chức sử dụng ma túy nhưng vẫn giúp sức cho Tuấn A. Ngày 11/4/2020, sau khi liên lạc với Nguyễn Ngọc L, Lan A xác định nhóm của L gồm nhiều người cần thuê phòng sử dụng ma túy. Khi nhóm của L đến, Lan A thấy nhóm L đi nhiều người và đi theo sau L để lấy tiền mua ma túy. Lan A nhờ Lê Đăng D mua ma túy và cung cấp cho nhóm L sử dụng. Khi L nói phòng chưa có loa, đèn thì Lan A nói Tuấn Anh thuê người lắp đặt. Sau đó Lan A giao cho Trần Văn H mang bật lửa và thẻ nhựa lên cho khách phòng 305 sử dụng ma túy;

3. Lê Đăng D: được Lan A nhờ mua 01 gói ketamine và 01 viên thuốc lắc với giá 1.200.000^d, trước khi mua ma túy, D không hỏi Lan A mục đích mua ma túy để sử dụng vào mục đích gì nên là đồng phạm với Lan A trong vai trò giúp sức chuẩn bị địa điểm cho nhóm L sử dụng ma túy tại Phòng số 305. Sau khi được Tuấn A nhờ thu hộ tiền phòng 306, D biết những người tại phòng 306 thuê phòng sử dụng ma túy nhưng vẫn giúp Tuấn A thu tiền cho thuê phòng;

4. Trần Văn H: đã có các hành vi giúp sức cho Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Thị Lan A trong việc mang đĩa sứ và đưa khách lên phòng sử dụng ma túy, đưa người lên lắp loa đèn, mang thẻ nhựa và bật lửa lên cho khách sử dụng ma túy;

5. Nguyễn Ngọc L: nhờ Nguyễn Thị Lan A đặt phòng để sử dụng ma túy; nhờ Nguyễn Thị Lan A mua ma túy nhằm mục đích sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị cơ quan công an phát hiện, bắt quả tang; số ma túy cơ quan công an thu giữ của Nguyễn Ngọc L là ketamine và thuốc lắc (MDMA) có khối lượng lần lượt là: 0,2925g và 0,3942g;

6. Hoàng Lê Trọng Nh: Ngày 09/4/2020, Nhân chủ động gợi ý thuê phòng và mua ma túy cho nhiều sử dụng. Đến ngày 11/4/2020, sau khi đến khách sạn Hoàng U, Nhân nhận tiền từ Trương Quang V và mua ma túy cung cấp cho cả nhóm sử dụng;

7. Lê Quốc H: chiều ngày 09/4/2020, H bàn bạc với Lê Hoàng Trọng Nh sẽ thuê phòng và mua ma túy cho cả nhóm sử dụng. Sau đó vào ngày 11/4/2020, H tiếp tục bàn bạc với Trương Quang V rủ rê nhiều người sử dụng ma túy. Sau đó, H bàn bạc với Đinh Hoàng Phương U thuê địa điểm để cả nhóm sử dụng ma túy. Sau khi cả nhóm sử dụng thuốc lắc, H lấy thẻ nhựa cả mìn ketamine cho cả nhóm sử dụng.

8. Trương Quang V: có hành vi bàn bạc với Lê Quốc H rủ rê nhiều người sử dụng ma túy. V là người trực tiếp thu tiền và đưa tiền cho Hoàng Lê Trọng Nh mua ma túy cho cả nhóm sử dụng;

9. Đinh Hoàng Phương U: bàn bạc với Lê Quốc H tìm thuê địa điểm cho cả nhóm sử dụng ma túy. U trực tiếp liên lạc với người tên Đ, dẫn nhóm đến gặp Đ và được Đ đưa qua thuê phòng ở Khách sạn Hoàng U.

10. Nguyễn Huỳnh Đức T: Tân biết H, U bàn bạc thuê phòng cho cả nhóm sử dụng ma túy khi cả nhóm tụ tập ở nhà của T vào tối ngày 11/4/2020. Để chuẩn bị địa điểm sử dụng ma túy cho cả nhóm, T đã chở U đi tìm kiếm, chuẩn bị địa điểm để thuê phòng để sử dụng ma túy.

11. Phạm Huy Tr: dùng tờ tiền 10.000^d, vỏ đầu lọc thuốc lá quán lại thành ống hút, cung cấp dụng cụ đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể nhiều người.

12. Hồ Trung Huy; Phạm Văn Th; Nguyễn Ngọc Tr; Nguyễn Nhật A; Trần Việt H; Triệu Nhân Q; Nguyễn Võ Anh D và Nguyễn Đình Ph đã có các hành vi: Góp tiền để thuê địa điểm, mua ma túy sử dụng; quá trình các đối tượng sử dụng ma túy sau đó bị cơ quan công an phát hiện, bắt quả tang; số ma túy mà các đối tượng sử dụng chưa hết bị phát hiện, thu giữ là Ketamine, có khối lượng: 2,3659g.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 20/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Thị Lan A, Trần Văn H, Lê Đăng D, Trương Quang V, Lê Quốc H, Hoàng Lê Trọng Nh, Đinh Hoàng Phương U, Phạm Huy Tr, Nguyễn Huỳnh Đức T, Trần Việt H, Triệu Nhân Q, Nguyễn Ngọc Tr, Hồ Trung H, Nguyễn Võ Anh D, Phạm Văn Th, Nguyễn Đình Ph, Nguyễn Nhật A về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc L về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa,

Các bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng và khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Thị Lan A, Trần Văn H, Lê Đăng D, Trương Quang V, Lê Quốc H, Hoàng Lê Trọng Nh, Đinh Hoàng Phương U, Phạm Huy Tr, Nguyễn Huỳnh Đức T, Trần Việt H, Triệu Nhân Q, Nguyễn Ngọc Tr, Hồ Trung H, Nguyễn Võ Anh D, Phạm Văn Th, Nguyễn Đình Ph, Nguyễn Nhật A phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Bị cáo Nguyễn Ngọc Lợi phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A mức hình phạt từ 10 năm tù đến 11 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; các điểm s, n khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lan A mức hình phạt từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Lê Quốc H, Hoàng Lê Trọng Nh, Trương Quang V mức hình phạt từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đăng D mức hình phạt từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; các Điều 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn H mức hình phạt từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Đinh Hoàng Phương U, Nguyễn Huỳnh Đức T mức hình phạt từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Phạm Huy Tr mức hình phạt từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Ngọc Trung, Nguyễn Võ Anh D, Phạm Văn Th, Nguyễn Nhật A, Trần Việt H, Nguyễn Đình Ph, Hồ Trung H mức hình phạt từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Triệu Nhân Q mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Nguyễn Ngọc L mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Luật sư Nguyễn Phương Đại Ngh trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Đinh Hoàng Phương U với nội dung: Bị cáo U là người có tuổi đời còn rất trẻ, phạm tội lần đầu, trong vụ án này U không phải là người rủ rê, không tham gia bàn bạc với các bị cáo khác về việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, U không tham gia góp tiền để thuê địa điểm và mua ma túy, việc U thực hiện hành vi tìm kiếm phòng cho thuê để sử dụng ma túy là do được bị cáo H bàn bạc với U nhưng U không phải là người quyết định trong việc lựa chọn địa điểm để thuê, do đó trong vụ án này thì U chỉ là người giúp sức và có vai trò không đáng kể, sau khi bị bắt và tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt dưới mức mà đại diện viện Kiểm sát đã đề nghị để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Luật sư Hoàng Thị Minh H trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Huỳnh Đức T với nội dung: Về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt đã truy tố đối với bị cáo T thì người bào chữa không có ý kiến, bị cáo T phạm tội lần đầu, trong vụ án này T không phải là người rủ rê, không tham gia bàn bạc với các bị cáo khác về việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, T không có tiền để góp tiền thuê địa điểm

và mua ma túy nhưng khi V nói sẽ đóng tiền thay cho T thì T đã đồng ý tham gia, việc T chở U đi tìm kiếm phòng cho thuê cũng là do thụ động chứ không phải chủ động, do đó trong vụ án này thì T chỉ là người giúp sức và có vai trò không đáng kể, tại phiên tòa thì bị cáo cũng đã khai báo thành khẩn, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt dưới mức mà đại diện Viện Kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo T.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo ăn năn hối hận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn H là người chưa đủ 18 tuổi, bị cáo và người đại diện của bị cáo không lựa chọn người bào chữa nhưng cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt không chỉ định người bào chữa cho bị cáo H là vi phạm thủ tục tố tụng quy định tại Điều 422 của Bộ luật hình sự, tại phiên tòa bị cáo H đã đủ 18 tuổi và không yêu cầu phải có người bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử để tự bị cáo thực hiện quyền bào chữa, do đó Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án nhưng kiến nghị Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt khắc phục vi phạm thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi. Các quyết định, hành vi tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã được tiến hành đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo đều là những người biết rõ việc tàng trữ trái phép các chất ma túy, cung cấp ma túy, địa điểm, phương tiện, dụng cụ... để thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy là những hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Bị cáo Nguyễn Tuấn A là chủ khách sạn Hoàng U là người chủ mưu, cầm đầu trong việc cho thuê phòng để các đối tượng tổ chức sử dụng ma túy; Tuấn A cho Nguyễn Thị Lan A, Trần Văn H và Lê Đăng D thuê phòng và giúp việc cho Tuấn A trong việc cho thuê phòng để tổ chức sử dụng ma túy. Tuấn A đã tự mình lắp đặt hệ thống loa, đèn tại phòng 306 để cho nhóm Trương Quang

V thuê sử dụng ma túy. Tại phòng 305, sau khi nhận khách, Tuấn A xác định nhóm khách gồm nhiều người đến thuê phòng để sử dụng ma túy nên giao Trần Văn H đem đĩa sứ và đưa khách lên nhận phòng, sau đó thuê người đến lắp loa, đèn và tiếp tục giao cho H đưa người lên phòng lắp loa, đèn cho khách sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo Nguyễn Tuấn A cho thuê 02 phòng 305 và 306 tại khách sạn Hoàng U để người khác sử dụng trái phép chất ma túy với số lượng người thuê tổng cộng là 23 người. Lê Đăng D đã thực hiện hành vi giúp sức cho Tuấn A trong việc thu tiền thuê phòng tại phòng 306 và giúp sức cho Lan A trong việc mua ma túy để cung cấp cho nhóm khách thuê phòng 305. Bị cáo Nguyễn Thị Lan A biết rõ việc Tuấn A cho thuê phòng để sử dụng ma túy, khi được Nguyễn Ngọc L liên lạc thuê phòng thì Lan A đã báo cho Tuấn A biết và đưa nhóm của Nguyễn Ngọc L gồm 07 người lên thuê phòng số 305 nhằm mục đích sử dụng ma túy, Lan Anh là người nhận tiền từ H và nhờ Lê Đăng D mua ma túy rồi cung cấp cho Nguyễn Ngọc L sử dụng, đồng thời Lan A cũng là người nói Hòa mang bật lửa, thẻ nhựa lên phòng 305 để nhóm của Nguyễn Ngọc L sử dụng ma túy. Bị cáo Trần Văn H giúp sức cho Tuấn A trong việc đưa người lên phòng lắp loa, đèn cho khách sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 305 và mang đĩa sứ, bật lửa, thẻ nhựa lên phòng 305 cho nhóm khách chuẩn bị sử dụng trái phép chất ma túy. Đến khoảng 00 giờ 30 ngày 12/4/2020, khi hai nhóm tại phòng 305 và 306 đang sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Công an thành phố Đà Lạt kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang thu giữ tang vật.

Đối với nhóm bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 306 của khách sạn Hoàng U:

Các bị cáo Lê Quốc H, Trương Quang V và Hoàng Lê Trọng Nh là những người chủ động bàn bạc với nhau trong việc tổ chức sử dụng ma túy. Trong đó, Nh là người khởi xướng và là người trực tiếp mua ma túy để cung cấp cho cả nhóm sử dụng, Lê Quốc H là người chủ động bàn bạc việc tìm kiếm thêm người sử dụng ma túy, chủ động bàn bạc với Đinh Hoàng Phương U thuê địa điểm để cả nhóm sử dụng ma túy. Sau khi cả nhóm sử dụng thuốc lắc, Hiệp lấy thẻ nhựa cả mìn ketamine cho cả nhóm sử dụng, Trương Quang V bàn bạc với Lê Quốc H rủ rê nhiều người sử dụng ma túy. V là người trực tiếp thu tiền và đưa tiền cho Hoàng Lê Trọng Nh mua ma túy cho cả nhóm sử dụng và trả tiền thuê phòng. Do đó, Nhân cùng H, V giữ vai trò cao nhất đối với nhóm bị cáo này.

Các bị cáo Phạm Huy Tr, Hồ Trung H, Phạm Văn Th, Nguyễn Ngọc Tr, Nguyễn Nhật A, Trần Việt H, Triệu Nhân Q, Nguyễn Võ Anh D và Nguyễn Đình Ph không tham gia bàn bạc việc sẽ tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng khi được Nhân, H, V rủ tham gia thì đã thống nhất ý chí và cùng nhau

góp tiền để thuê địa điểm và mua ma túy để cùng nhau sử dụng trái phép, trong đó Phạm Huy Tr là người cuốn ống hút để sử dụng ma túy.

Bị cáo Đinh Hoàng Phương U: bàn bạc với Lê Quốc H tìm thuê địa điểm cho cả nhóm sử dụng ma túy. U trực tiếp liên lạc với người tên Đ, dẫn nhóm đến gặp Đ và được Đ đưa qua thuê phòng ở Khách sạn Hoàng U. Nguyễn Huỳnh Đức T biết H và U bàn bạc thuê phòng cho cả nhóm sử dụng ma túy khi cả nhóm tụ tập ở nhà của T vào tối ngày 11/4/2020. Để chuẩn bị địa điểm sử dụng ma túy cho cả nhóm, T đã chở U đi tìm kiếm, chuẩn bị địa điểm để thuê phòng để sử dụng ma túy.

Vật chứng thu giữ tại phòng 306 khách sạn Hoàng U: Tại kết luận giám định số 714/GĐ-PC09 ngày 15/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định: mẫu tinh thể đựng trong một gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 2,3659g, loại Ketamine.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Lợi: nhờ Lan A mua ma túy để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị cơ quan công an phát hiện, bắt quả tang; số ma túy cơ quan công an thu giữ của Nguyễn Ngọc L là ketamine và thuốc lắc (MDMA) có khối lượng lần lượt là: 0,2925g và 0,3942g.

Vật chứng thu giữ tại phòng 306 khách sạn Hoàng U: Tại kết luận giám định số 713/GĐ-PC09 ngày 15/4/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định: mẫu một viên nén màu xanh đựng trong một gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,3942g, loại MDMA; mẫu mẫu tinh thể đựng trong một gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,2925g, loại Ketamine.

MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT: 27 Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Ketamine là chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT: 35 Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Đối chiếu lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Thị Lan A, Trần Văn H, Lê Đăng D, Trương Quang V, Lê Quốc H, Hoàng Lê Trọng Nh, Đinh Hoàng Phương U, Phạm Huy Tr, Nguyễn Huỳnh Đức T, Trần Việt H, Triệu Nhân Q, Nguyễn Ngọc Tr, Hồ Trung H, Nguyễn Võ Anh D, Phạm Văn Th, Nguyễn Đình Ph, Nguyễn Nhật A phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 của

Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với đối tượng tên “Đ”, là người mà Đinh Hoàng Phương U đã liên lạc thông qua số điện thoại: 0789.181.0 để hỏi thuê phòng sử dụng ma túy, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định người đứng tên đăng ký sử dụng số điện thoại 0789.1810 là: Phùng Thế Kh (SN: 1997; HKTT: Xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng). Qua xác minh, hiện nay Phùng Thế Kh không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ; Cơ quan điều tra chưa làm việc được với Kh nên tách ra xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên “P”, là người bán ma túy cho Hoàng Lê Trọng Nh vào ngày 11/4/2020, quá trình điều tra Nh khai chỉ quen biết “P” thông qua mạng xã hội; Nh không rõ nhân thân, lai lịch của “P” nên không có căn cứ xử lý.

Đối với đối tượng tên “Tiền K”, là người mà Lê Đăng D đã liên lạc thông qua số điện thoại: 0914.0750 để hỏi mua ma túy vào ngày 11/4/2020, qua xác minh được biết số điện thoại 0914.0750 là của Nguyễn Văn T (SN: 1996; HKTT: 1031 – Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng) đăng ký sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra triệu tập T làm việc nhưng T không thừa nhận việc có bán ma túy cho Lê Đăng D, ngoài ra sim số T sử dụng bị mất nên không đủ căn cứ xử lý đối với Nguyễn Văn T.

Đối với đối tượng sử dụng số điện thoại: 0926.041.1 để liên lạc và trực tiếp bán ma túy cho Lê Đăng D vào ngày 11/4/2020 tại đầu đường Hoàng Diệu – P.5 – Đà Lạt, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng đến nay chưa xác định được đối tượng nên tách ra xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên “H”, là người cho Nguyễn Tuấn A thuê loa, đèn xoay để lắp đặt tại phòng 305, quá trình điều tra Nguyễn Tuấn A khai chỉ quen biết “H” ngoài xã hội; Nguyễn Tuấn A không rõ nhân thân, lai lịch của “H” nên không có căn cứ xử lý.

Đối với các đối tượng Ngô Đức T, Trịnh Minh H, Nguyễn Khánh L, Phan Đình Trung H, Kiều Cao Đ, Nguyễn Đông H, là những người cùng có mặt với Nguyễn Ngọc L khi bị bắt quả tang. Quá trình điều tra xác định, những đối tượng này không biết và không tham gia góp tiền với L khi L mua ma túy sử dụng nên không có căn cứ xử lý.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Các bị cáo Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thị Lan A đã phân công bị cáo Trần Văn H là người chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội, do đó áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Xúi giục người chưa đủ 18 tuổi phạm tội*” theo quy định tại điểm o Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Thị Lan

- Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thị Lan A phạm tội trong thời gian đang mang thai nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội là phụ nữ có thai*” theo quy định tại điểm n Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lan A.

- Bị cáo Trần Văn H sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị truy nã nhưng sau đó đã ra đầu thú nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn H.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A có ông nội, ông ngoại là người có công với cách mạng, bị cáo Triệu Nhân Q có ông bà ngoại là người có công với cách mạng, bị cáo Phạm Huy Tr có ông bà nội là người có công với cách mạng, bị cáo Hoàng Lê Trọng Nh có hoàn cảnh gia đình neo đơn khó khăn được địa phương xác nhận nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Phạm Huy Tr, Triệu Nhân Q và Hoàng Lê Trọng Nh.

- Bị cáo Trần Văn H khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng các điều 90, 91 Bộ luật hình sự để xử lý đối với bị cáo H.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là coi thường pháp luật và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách Nhà nước độc quyền quản lý chất ma túy, góp phần duy trì tệ nạn ma túy và gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương, do đó cần thiết phải xử phạt nghiêm minh, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Trần Văn H, Lê Đăng D, Đinh Hoàng Phương U, Phạm Huy Tr, Nguyễn Huỳnh Đức T, Trần Việt H, Triệu Nhân Q, Nguyễn Ngọc Tr, Hồ Trung H, Nguyễn Võ Anh D, Phạm Văn Th, Nguyễn Đình Ph, Nguyễn Nhật A phạm tội lần đầu, tham gia với vai trò không đáng kể trong vụ án nên áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố.

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Lê Đăng D là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo D nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt đối với bị cáo D cao hơn mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đã đề nghị. Đối với các bị cáo là người đồng phạm có vai trò không đáng kể là nặng nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt nhẹ hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tương ứng với hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 (hai) phong bì chứa bao gói vật chứng là ma túy trước và sau giám định nhà nước cấm lưu hành; 01 (một) đĩa sứ màu trắng hình tròn, 02 (hai) chiếc đĩa sứ màu trắng, 01 (một) thẻ nhựa cứng màu đen là vật dụng các bị cáo sử dụng ma túy nên tuyên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với những vật dụng, tài sản các bị cáo đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 tờ tiền Việt Nam có mệnh giá 10.000^d; 01 bộ loa nhãn hiệu Microlab gồm 01 loa bass và 04 loa nhỏ; 01 đầu điều chỉnh âm lượng; 01 đèn xoay màu đen; 01 loa dạng loa xách tay màu xám, hiệu MONSTER; 01 đèn xoay màu đen, có chữ: “LASER SHOW SYSTEM”; 01 đèn xoay màu đen không rõ nhãn hiệu; 01 điện thoại hiệu Iphone X màu đen gắn simcard số: 0834.9049 của Trương Quang V; 01 điện thoại hiệu Iphone X màu đen gắn simcard số: 0889.203024 của Lê Quốc Hiệp; 01 điện thoại hiệu Iphone 11 màu xanh gắn simcard số: 0943.179168 của Đinh Hoàng Phương U; 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy màu xanh gắn simcard số: 0798.8065 của Hoàng Lê Trọng Nh; 01 điện thoại hiệu Iphone X màu đen gắn simcard số: 0909.9889 của Nguyễn Huỳnh Đức T; 01 điện thoại hiệu Iphone 6Plus màu bạc; mặt kính bị nứt vỡ; gắn simcard số: 0834.5958, 01 điện thoại hiệu Iphone 5s màu đen - bạc gắn simcard số: 0859.5678 của Nguyễn Ngọc Tr; 01 điện thoại hiệu Huawei màu đen gắn simcard số: 0972.8821 của Trần Việt H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng - bạc của Nguyễn Võ Anh D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen; mặt kính bị nứt vỡ; gắn simcard số: 0392.099324 của Triệu Nhân Q; 01 điện thoại hiệu Nokia 6300 màu trắng đen gắn simcard số: 0355.9380 của Phạm Văn Th; 01 điện thoại hiệu Iphone 11 màu tím gắn sim card số: 0908.4006 của Nguyễn Nhật A; 01 điện thoại hiệu Iphone 6s màu hồng gắn simcard số: 0366.9244 của Hồ Trung H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng đồng của Nguyễn Đình Ph; 01 điện thoại hiệu Samsung S5 màu trắng gắn sim số: 0976.8653, của Nguyễn Tuấn A; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng đồng, gắn simcard số: 0376.7761 của Nguyễn Ngọc L; 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng), 01 điện thoại hiệu Nokia

màu đen gắn simcard số: 0929.3194, 01 điện thoại hiệu Iphone 6 màu vàng đồng gắn simcard số: 0947.4598 thu của Nguyễn Thị Lan A; 100.000^d (Một trăm nghìn đồng), 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu trắng, gắn simcard số: 0786.9296 thu của Lê Đăng D.

- Đối với những giấy tờ, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội:

Trả lại cho Phùng Hữu Duy Tr: 01 điện thoại hiệu Iphone 7 Plus màu đen gắn simcard số: 0792.4953; trả lại cho đại diện hợp pháp của Trần Lê Phương Th: 01 điện thoại hiệu Iphone 6 màu xám bạc; mặt kính bị nứt vỡ; gắn simcard số: 0941.3457; Lê Quốc H: 01 CMND mang tên Lê Quốc H; Nguyễn Huỳnh Đức T: 01 CMND mang tên Nguyễn Huỳnh Đức T; Triệu Nhân Q: 01 CMND mang tên Triệu Nhân Q; Nguyễn Tuấn A: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Tuấn A, 01 điện thoại hiệu VSmart Star màu xanh gắn sim số: 0913.7820, 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4201318A, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT số 976/GCN.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Thị Lan A, Trần Văn H, Lê Đăng D, Trương Quang V, Lê Quốc H, Hoàng Lê Trọng Nh, Đinh Hoàng Phương U, Phạm Huy Tr, Nguyễn Huỳnh Đức T, Trần Việt H, Triệu Nhân Q, Nguyễn Ngọc Tr, Hồ Trung H, Nguyễn Võ Anh D, Phạm Văn Th, Nguyễn Đình Ph, Nguyễn Nhật A phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; Bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm o Khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn A 10 (*mười*) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày 18/11/2020;

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; các điểm n, s Khoản 1 Điều 51; điểm o Khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Lan A 08 (*tám*) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt giam để thi hành án (*được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 12/4/2020, đến ngày 18/8/2020 vào thời gian chấp hành hình phạt tù*);

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Lê Đăng D 06 (*sáu*) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày 12/4/2020.

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Trần Văn H 03 (*ba*) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày 15/01/2021.

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt:

+ Bị cáo Lê Quốc H 07 (*bảy*) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày 12/4/2020.

+ Bị cáo Trương Quang V 07 (*bảy*) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày 12/4/2020.

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Hoàng Lê Trọng Nh 07 (*bảy*) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày 12/4/2020.

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: các bị cáo Nguyễn Ngọc Tr, Nguyễn Võ Anh D, Phạm Văn Th, Nguyễn Nhật A, Trần Việt H, Nguyễn Đình Ph, Hồ Trung H mỗi bị cáo 03 (*ba*) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày 12/4/2020.

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: các bị cáo Triệu Nhân Q, Phạm Huy Tr 03 (*ba*) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày 12/4/2020.

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt:

+ Bị cáo Đinh Hoàng Phương U 03 (*ba*) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày 28/9/2020.

+ Bị cáo Nguyễn Huỳnh Đức T 03 (*ba*) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày 12/4/2020.

- Áp dụng điểm i Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc L mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày 12/4/2020.

[2] Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (*hai*) phong bì niêm phong ghi số 713/2020; 02 (*hai*) phong bì niêm phong ghi số 714/2020 chứa bao gói vật chứng là ma túy trước và sau giám định nhà nước cấm lưu hành; 02 (*hai*) chiếc đĩa sứ màu trắng; 01 (*một*) thẻ nhựa cứng màu đen;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: Số tiền 600.000^d (*Sáu trăm nghìn đồng*) và 01 (*một*) tờ tiền Việt Nam có mệnh giá 10.000^d được cuộn thành ống hút; 01

(một) bộ loa nhãn hiệu Microlab gồm 01 (một) loa bass và 04 (bốn) loa nhỏ; 01 (một) đầu điều chỉnh âm lượng; 01 (một) loa dạng loa xách tay màu xám, hiệu MONSTER; 01 (một) đèn xoay màu đen, có chữ: “LASER SHOW SYSTEM”; 02 (hai) đèn xoay màu đen không rõ nhãn hiệu; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen gắn simcard số: 0834.9049; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone X màu đen gắn simcard số: 0889.2030; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 11 màu xanh gắn simcard số: 0943.1791; 01 (một) điện thoại hiệu Samsung Galaxy màu xanh gắn simcard số: 0798.8065; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone X màu đen gắn simcard số: 0909.9889; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 6Plus màu bạc; mặt kính bị nứt vỡ; gắn simcard số: 0834.5958; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 5s màu đen - bạc gắn simcard số: 0859.5678; 01 (một) điện thoại hiệu Huawei màu đen gắn simcard số: 0972.8821; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng - bạc; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen; mặt kính bị nứt vỡ, gắn simcard số: 0392.0993; 01 (một) điện thoại hiệu Nokia 6300 màu trắng đen gắn simcard số: 0355.9380; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 11 màu tím gắn sim card số: 0908.4006; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 6s màu hồng gắn simcard số: 0366.9244; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng đồng; 01 điện thoại hiệu Samsung S5 màu trắng gắn sim số: 0976.8653; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng đồng, gắn simcard số: 0376.7761; 01 (một) điện thoại hiệu Nokia màu đen gắn simcard số: 0929.3194; 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 6 màu vàng đồng gắn simcard số: 0947.4598; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu trắng, gắn simcard số: 0786.9296.

- Trả lại cho:

+ Anh Phùng Hữu Duy Tr: 01 điện thoại hiệu Iphone 7 Plus màu đen gắn simcard số: 0792.4953;

+ Ông Trần Công N (*Là người đại diện hợp pháp của chị Trần Lê Phương Thảo*): 01 điện thoại hiệu Iphone 6 màu xám bạc; mặt kính bị nứt vỡ; gắn simcard số: 0941.3457;

+ Bị cáo Lê Quốc Hi 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Quốc H;

+ Bị cáo Nguyễn Huỳnh Đức T: 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Huỳnh Đức T;

+ Bị cáo Triệu Nhân Q: 01 chứng minh nhân dân mang tên Triệu Nhân Q;

+ Bị cáo Nguyễn Tuấn A: 01 (một) điện thoại hiệu VSmart Star màu xanh gắn sim số: 0913.7820; 01 (một) căn cước công dân mang tên Nguyễn Tuấn A, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4201318A, 01(một) giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT số 976/GCN.

+ Bị cáo Trần Văn H: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, gắn simcard số 0392.3711.

(Các vật chứng có đặc điểm cụ thể như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/3/2021 giữa Công an thành phố Đà Lạt và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an thành phố Đà Lạt;
- Chi cục Thi hành án thành phố Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi thi hành án phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Chu Văn Bình